

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15); Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định một trong những nhiệm vụ và giải pháp để đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật là: “Đổi mới cơ chế phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách dành cho công tác xây dựng pháp luật trên nguyên tắc kịp thời, đúng, đủ và gắn với khoán chi theo kết quả, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động. Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ, hoạt động xây dựng pháp luật được quyền chủ động và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí được giao. Bảo đảm chi cho công tác xây dựng pháp luật không thấp hơn 0,5% tổng chi ngân sách hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển.”.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị đã ban hành Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 06/8/2025, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 766/KH-UBND ngày 04/9/2025. Theo đó, một trong những nhiệm vụ và giải pháp được Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh chỉ đạo triển khai trong thời gian tới là “Thực hiện cơ chế tài chính đặc biệt cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật”.

b) Cơ sở pháp lý

Khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật quy định: *“Bảo đảm chi cho công tác xây dựng pháp luật không thấp hơn 0,5% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển...”*; *“Kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác xây dựng pháp luật được thực hiện khoán chi theo từng nhiệm vụ hoặc theo từng hoạt động”*.

Điểm c khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh *“...quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”*

Điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân tỉnh: *“Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”*.

Điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: *“Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, Luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.”*

2. Cơ sở thực tiễn

Ngày 17/5/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; ngày 06/11/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15, theo đó, hiện nay các định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản QPPL được thực hiện theo quy định tại các văn bản nêu trên. Tuy nhiên, định mức chi cụ thể cho từng hoạt động, sản phẩm trong công tác xây dựng văn bản QPPL ở địa phương chưa được quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP¹, do đó, các cơ quan, đơn vị chưa có cơ sở để làm căn cứ lập dự toán, quyết định mức chi cho công tác này.

Vì vậy, để cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng văn bản QPPL cấp tỉnh triển khai nhiệm vụ này được đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của địa phương, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Công văn số 31/BTP-PLDSKT ngày 07/01/2026 về triển khai thực hiện quy định về cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và thi hành pháp luật² và Công văn số 1590/BTP-PLDSKT ngày 17/3/2026, Ủy

¹ Các văn bản này chỉ quy định mức chi cho các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản QPPL ở Trung ương và là cơ sở để địa phương tham chiếu.

² *“Căn cứ thực tiễn thực hiện tại địa phương, xem xét, quyết định việc ban hành văn bản (văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính) hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách theo thẩm quyền về danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được nêu tại mục 1 của Công văn này, phù hợp với quy định của Nghị định số 289/2025/NĐ-CP; trong đó, việc*

ban nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành là cần thiết, đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và quy định pháp luật hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành văn bản

a) Kịp thời thể chế hoá các quan điểm, chủ trương của Đảng về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật được đề ra tại Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 02-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

b) Quy định cụ thể danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị bảo đảm phù hợp với quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

a) Việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước; bảo đảm yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản QPPL theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15.

b) Bảo đảm tính khả thi và khả năng cân đối ngân sách của địa phương;

c) Bảo đảm tiến độ, chất lượng, thời hạn trình văn bản theo đúng quy định.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Công văn số 225/TTHĐND-VP ngày 22/4/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng

hướng dẫn có thể bao gồm nội dung về: (i) quyết định tổng mức chi trong xây dựng Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tình hình thực tế và trên cơ sở tham chiếu mức chi quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 289/2025/NĐ-CP; (ii) tuân thủ đúng các nguyên tắc được quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 197/2025/QH15 và Điều 2 của Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ, ngăn chặn mọi biểu hiện trục lợi; (iii) hướng dẫn về Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền; (iv) nội dung khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.”

Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu tham mưu xây dựng Nghị quyết.

Quá trình xây dựng dự thảo, Sở Tư pháp đã thực hiện:

1. Tổ chức cuộc họp với các cơ quan có liên quan (các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh: Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Pháp chế; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính) để thống nhất các nội dung quy định trong Nghị quyết bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương.

2. Đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo đúng quy định của điểm c khoản 1 Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức hướng dẫn và thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật từ ngày 06/4/2026 đến ngày 16/4/2026.

3. Tổ chức lấy ý kiến đối với các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và các cơ quan, tổ chức có liên quan (Trong đó đã lấy ý kiến các Sở: Tài chính, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ) về dự thảo Nghị quyết.

4. Thực hiện truyền thông về dự thảo Nghị quyết trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp.

5. Tổ chức nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia góp ý dự thảo và chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

6. Thực hiện đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp.

7. Tổ chức thẩm định dự thảo Nghị quyết.

8. Hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình dự thảo Nghị quyết đến Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Hiệu lực thi hành

3. Nội dung cơ bản

- Về định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ đối với xây dựng mới, thay thế văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh (soạn thảo; thẩm định; rà soát, trình; thẩm tra, thông qua) được phân bổ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và có tham chiếu tỷ lệ phân bổ theo quy định tại Mục I Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 (*chi tiết có Phụ lục I kèm theo*).

- Đối với danh mục hoạt động, sản phẩm cụ thể và định mức khoán chi cho từng hoạt động trong công tác soạn thảo; thẩm định; rà soát, trình; thẩm tra, thông qua: trên cơ sở tham chiếu Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ tại Mục C Phụ lục I Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, căn cứ tính chất, mức độ đầu tư đối với các hoạt động, sản phẩm để quy định định mức khoán chi tối đa, bảo đảm mức tối đa chi cho các hoạt động không vượt định mức khoán chi quy định tại Phụ lục I (*chi tiết có Phụ lục II kèm theo*).

Trên cơ sở đó giao cho người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan thẩm định; cơ quan tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan thẩm tra, trình thông qua văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế, tham chiếu định mức khoán chi tối đa tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết, quyết định mức chi cụ thể đối với từng hoạt động, sản phẩm trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không vượt định mức chi cho nhiệm vụ được giao quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT GỬI THẨM ĐỊNH: Không

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết:

a) Nguồn kinh phí cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị do ngân sách nhà nước cấp tỉnh bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Về kinh phí cấp tỉnh đã được Sở Tài chính cho ý kiến tại Công văn số 2475/STC-HCSN ngày 17/4/2026 (*Có dự toán kinh phí chi cho năm 2026 và các năm tiếp theo tại Phụ lục III kèm theo*).

b) Nguồn nhân lực: Trên cơ sở biên chế hiện có, các sở, ban, ngành, địa phương tham mưu tổ chức thực hiện, không phát sinh thêm nhân lực (Sở Nội vụ

đã có ý kiến thống nhất tại Công văn số 1534/SNV-TCBC&TCPCP ngày 08/4/2026).

c) Về phân cấp và thực hiện nhiệm vụ được phân cấp: Nghị quyết không có nội dung về phân cấp, thực hiện nhiệm vụ được phân cấp (Sở Nội vụ đã có ý kiến thống nhất tại Công văn số 1534/SNV-TCBC&TCPCP ngày 08/4/2026).

d) Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Sở Khoa học và Công nghệ đã có ý kiến thống nhất tại Công văn số 1128/SKHCN-VP ngày 10/4/2026).

2. Thời gian trình thông qua: Tại kỳ họp chuyên đề tháng 5/2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình góp ý đối với dự thảo Nghị quyết; Bản so sánh thuyết minh nội dung dự thảo; Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo và các tài liệu có liên quan khác)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NC(Bình).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Bảo

Phụ lục I
ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẤP TỈNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Loại văn bản	Nhiệm vụ soạn thảo ³	Nhiệm vụ thẩm định ⁴	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình UBND, Chủ tịch UBND ⁵	Nhiệm vụ thẩm tra, trình thông qua ⁶
1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	140	21	14	75
2	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	70	20	10	-
3	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	21	6	3	-

³ Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị dự toán. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật do các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì soạn thảo thì Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh là đơn vị dự toán.

⁴ Sở Tư pháp là đơn vị dự toán.

⁵ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là đơn vị dự toán.

⁶ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh là đơn vị dự toán.

Phụ lục II**DANH MỤC HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ TRONG CÔNG TÁC SOẠN THẢO, THẨM ĐỊNH, THẨM TRA, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ***(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Mức khoản chi tối đa		
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
A	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO		140	70	21
1.	Truyền thông chính sách, văn bản quy phạm pháp luật	- Ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm báo chí được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích...) - Ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác...)	5	3	1
2.	Tổng kết việc thi hành pháp luật	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật	6	3	-
3.	Đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản	Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản.	6	3	-
4.	Xây dựng Tờ trình	Tờ trình	8	6	2
5.	Xây dựng dự thảo văn bản	Dự thảo văn bản	45	27	8

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Mức khoán chi tối đa		
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
6.	Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết được ban hành theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách	8	-	-
7.	Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo văn bản	8	5	-
8.	Xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	8	4	2
9.	Tổ chức lấy ý kiến góp ý và phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các sản phẩm và mức chi cụ thể đối với từng sản phẩm trong hoạt động tổ chức lấy ý kiến và phản biện xã hội đối với dự thảo.	28	10	4
10.	Lấy ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền	Văn bản kết luận chủ trương của cơ quan Đảng có thẩm quyền	5	3	2

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Mức khoán chi tối đa		
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
11.	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	6	3	1
12.	Hoạt động khác	Cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động, sản phẩm và mức chi cụ thể đối với từng hoạt động, sản phẩm khác trong xây dựng văn bản QPPL.	7	3	1
B	NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH		21	20	6
1.	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản	Biên bản họp/Ý kiến bằng văn bản	5	5	2
2.	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	15	14	3
3.	Hoạt động khác	Cơ quan chủ trì thẩm định chủ động quyết định các hoạt động, sản phẩm và mức chi cụ thể đối với từng hoạt động, sản phẩm khác trong xây dựng văn bản QPPL.	1	1	1
C	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN		14	10	3
1.	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ dự thảo văn bản	Báo cáo/ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh đối với hồ sơ dự thảo	1	1	1

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Mức khoán chi tối đa		
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2.	Lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh	Văn bản ý kiến của thành viên UBND tỉnh/Biên bản cuộc họp/Thông báo kết luận...	10	6	-
3.	Hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến thành viên UBND tỉnh	Dự thảo văn bản sau khi có ý kiến thành viên UBND tỉnh	1	1	-
4.	Trình hồ sơ dự thảo sau khi đủ điều kiện theo quy định.	Báo cáo/Phiếu trình hồ sơ dự thảo	1	1	1
5.	Hoạt động khác	Cơ quan chủ trì tổng hợp, rà soát hồ sơ chủ động quyết định các hoạt động, sản phẩm và mức chi cụ thể đối với từng hoạt động, sản phẩm khác trong xây dựng văn bản QPPL.	1	1	1
D	NHIỆM VỤ THẨM TRA, TRÌNH THÔNG QUA		75		
1.	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo: Xây dựng các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo	Văn bản chỉ đạo	13		
2.	Thẩm tra đăng ký, đề nghị xây dựng văn bản	Báo cáo thẩm tra	9		
3.	Thẩm tra dự thảo văn bản		40		
a)	Tiếp nhận, rà soát hồ sơ, quy trình và	Công văn/Kế hoạch/Giấy mời họp phục	5		

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Mức khoán chi tối đa		
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
	tham mưu xây dựng các văn bản chuẩn bị thẩm tra	vụ thẩm tra...			
b)	Xây dựng báo cáo thẩm tra	Báo cáo thẩm tra	35		
4.	Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình ký chứng thực, ban hành	Nghị quyết	9		
5.	Hoạt động khác	Cơ quan chủ trì thẩm tra, trình thông qua chủ động quyết định các hoạt động, sản phẩm và mức chi cụ thể đối với từng hoạt động, sản phẩm khác trong xây dựng văn bản QPPL.	4		

Phụ lục III
DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI CHO CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QPPL CẤP TỈNH NĂM 2026
VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Dự kiến nguồn ngân sách hằng năm

Sở Tư pháp thống kê số lượng văn bản QPPL do địa phương ban hành trong 03 năm gần nhất (2023, 2024, 2025)⁷ và tính toán mức chi cho từng loại văn bản theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết: ban hành mới, thay thế và sửa đổi, bổ sung 02 văn bản trở lên: 100% tổng mức chi; sửa đổi, bổ sung 01 văn bản: 60% tổng mức chi; bãi bỏ văn bản: 30% tổng mức chi. Cụ thể như sau:

NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH		
Loại văn bản	Trung bình/năm	Thành tiền (Đồng)
Ban hành mới, thay thế và sửa đổi, bổ sung 02 văn bản trở lên	24	6.000.000.000
Sửa đổi, bổ sung 01 văn bản	4	600.000.000
Bãi bỏ	2	150.000.000
QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH		
Ban hành mới, thay thế và sửa đổi, bổ sung 02 văn bản trở lên	47	4.700.000.000
Sửa đổi, bổ sung 01 văn bản	6	360.000.000
Bãi bỏ	11	330.000.000

⁷ Vì số lượng văn bản QPPL của 02 tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị (cũ) ban hành tương đương nhau nên Sở Tư pháp tính toán dựa trên số lượng văn bản QPPL do tỉnh Quảng Bình ban hành trong 03 năm gần nhất. Riêng năm 2025 được tính toán dựa trên số lượng văn bản do tỉnh Quảng Bình ban hành trong nửa đầu năm và do tỉnh Quảng Trị (mới) ban hành trong nửa cuối năm. Đối với văn bản QPPL do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành được dự kiến 10 văn bản/năm (loại văn bản này mới được quy định là văn bản QPPL tại Luật số 87/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025).

QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH		
Ban hành mới, thay thế và sửa đổi, bổ sung 02 văn bản trở lên	10	300.000.000
Sửa đổi, bổ sung 01 văn bản	2	36.000.000
Bãi bỏ	1	9.000.000
TỔNG		12.485.000.000

2. Dự kiến nguồn ngân sách chi trong năm 2026

Năm 2026 là năm tập trung rà soát để xử lý các văn bản QPPL do tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành. Theo đó, số lượng văn bản ban hành trong năm 2026 sẽ tăng cao đột biến so với các năm khác. Vì vậy, Sở Tư pháp căn cứ kết quả rà soát, đề xuất xử lý văn bản QPPL do 02 tỉnh ban hành hiện còn hiệu lực thi hành trong năm 2026 của các sở, ngành để dự kiến nguồn ngân sách chi cho các nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh của năm 2026 như sau:

- Số Nghị quyết ban hành mới: 66 văn bản x 250.000.000 đồng/văn bản = 16.500.000.000 đồng.
- Số Quyết định của UBND tỉnh ban hành mới: 165 văn bản x 100.000.000đ/văn bản = 16.500.000.000 đồng.
- Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành mới (dự kiến): 10 văn bản x 30.000.000đ/văn bản = 300.000.000 đồng.

Tổng: 33.300.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ ba trăm triệu đồng).